

Số: 59/2024/QĐST-HNGĐ

C, ngày 27 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;  
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

- Ông **Lê Văn N**, sinh năm: 1989; Địa chỉ: **Thôn G, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng**.

- Bà **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1996 ; Địa chỉ : **P nhà chung cư A - Khu C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng**.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Văn N** và bà **Nguyễn Anh T** kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, huyện H, TP Đà Nẵng** (giấy đăng ký kết hôn số 79/2018 ngày 16/8/2018), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại **thôn G, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng**. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do: Vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng cũng như 2 bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không hòa hợp được. Vợ chồng ông, bà đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay về mặt tình cảm vợ chồng bà không còn tình cảm yêu thương nhau, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó ông **N**, bà **T** đề nghị Tòa án công nhận cho vợ chồng bà được thuận tình ly hôn. Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã hòa giải để vợ chồng ông, bà đoàn tụ nhưng ông **N**, bà **T** vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét tất

ông **Lê Văn N** và bà **Nguyễn Anh T** đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông **Lê Văn N** và bà **Nguyễn Anh T** thống nhất xác định vợ chồng ông bà có 02 con chung tên: **Lê Nguyễn Ánh N1**, sinh ngày 17/01/2015 và **Lê Nguyễn Yến N2**, sinh ngày 05/6/2019. Ly hôn ông **N**, bà **T** thống nhất thỏa thuận: Giao con chung **Lê Nguyễn Ánh N1** cho ông **Lê Văn N** trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi; Giao con chung **Lê Nguyễn Yến N2** cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Bên không nuôi con chung có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy ông **N**, bà **T** đã tự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Ông **N**, bà **T** thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông **N**, bà **T** thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Văn N** và bà **Nguyễn Anh T** thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông **Lê Văn N** và bà **Nguyễn Anh T** về việc nuôi dưỡng con chung như sau:

- + Giao con chung **Lê Nguyễn Ánh N1**, sinh ngày 17/01/2015 cho ông **Lê Văn N** trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi;

- + Giao con chung **Lê Nguyễn Yến N2**, sinh ngày 05/6/2019 cho bà **Nguyễn Anh T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- + Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- + Các bên có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên

đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Ông Lê Văn N và bà Nguyễn Anh T thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- *Về nợ chung*: Ông Lê Văn N và bà Nguyễn Anh T thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông Lê Văn N và bà Nguyễn Anh T tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông N, bà T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000671 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy ông N, bà T đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
  - VKSND quận Cẩm Lệ;
  - Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
  - UBND xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang
- GCNKK số 79/2018 ngày 16/8/2018;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Phan Văn Cường**